

Số: /KH-UBND

Cao Bằng, ngày tháng 3 năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thực hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 1486/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2616/QĐ-BNNMT ngày 09/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, với các nội dung chủ yếu sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

1.1. Quán triệt, cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024; cụ thể hóa các phương án về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khai thác sử dụng bền vững tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong quy hoạch tỉnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.2. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm, phục hồi và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp tỉnh và cụm phường, xã; xây dựng, hoàn thiện mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi

trường tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, thân thiện với môi trường. Nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu, đảm bảo quyền được sống trong môi trường trong lành của Nhân dân trên cơ sở phân bố không gian hợp lý và phân vùng quản lý chất lượng môi trường có hiệu quả.

1.3. Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan trong việc chủ trì, phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

## **2. Yêu cầu**

2.1. Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với nguồn lực thực hiện, điều kiện phát triển kinh tế của tỉnh Cao Bằng và hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện.

2.2. Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế trong việc thực hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.3. Chủ động lồng ghép các nội dung về bảo vệ môi trường, quản lý đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu vào quá trình lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và triển khai các chương trình, dự án có liên quan trên địa bàn tỉnh.

## **II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Xây dựng phương án phân vùng môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh**

#### **1.1. Xây dựng và cập nhật phương án phân vùng môi trường**

Tiến hành phân vùng bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn tỉnh theo 3 nhóm vùng: Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác. Việc phân vùng môi trường được thực hiện theo tiêu chí về yếu tố nhạy cảm về môi trường trước tác động của ô nhiễm môi trường nhằm mục tiêu giảm thiểu tác động của ô nhiễm môi trường đến sự sống và phát triển bình thường của con người và sinh vật, cụ thể:

a) Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, gồm: Các khu dân cư tập trung ở đô thị (bao gồm nội thị của đô thị loại II, III theo ranh giới được xác định trong các đồ án Quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt) trên địa bàn tỉnh; Vùng lõi Vườn quốc gia Phia Oắc - Phia Đén; Vùng lõi Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Vườn Cao Vít; Vùng lõi Khu bảo vệ cảnh quan Hồ Thang Hen; Vùng lõi Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó; Vùng lõi Khu Di tích văn hóa lịch sử Lam Sơn; Vùng lõi Khu Di tích văn hóa lịch sử Núi Lãng Đôn; Vùng lõi Khu Di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo; Vùng lõi Khu vực bảo vệ cảnh quan Thác Bản Giốc;

nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo chức năng cơ bản của nguồn nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Khu vực bảo vệ I (vùng lõi) của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, gồm: Di tích cấp Quốc gia, di tích cấp tỉnh; Mức 1 vùng bảo tồn, bảo vệ nghiêm ngặt của Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng.

b) Vùng hạn chế phát thải, gồm: Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt nêu trên; các khu dân cư tập trung là nội thị của các đô thị loại II, III theo ranh giới được xác định trong các đồ án Quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt trên địa bàn tỉnh; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; cảnh quan sinh thái quan trọng; khu vực đa dạng sinh học cao; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ; Mức 2 vùng bảo tồn tại chỗ, hạn chế những hoạt động dân sinh hoặc kinh tế làm ảnh hưởng đến cảnh quan di sản của Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng.

c) Vùng khác là các vùng còn lại trên địa bàn Tỉnh: Quan tâm, khai thác hiệu quả các khu vực tiềm năng đảm bảo đáp ứng các tiêu chí, chỉ tiêu về môi trường. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm phát sinh do hoạt động của các cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề.

## **1.2. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**

a) Tập trung bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học kết hợp với sử dụng bền vững, phát huy giá trị Vườn Quốc gia Phia Oắc - Phia Đén, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Vườn Cao Vít; Khu bảo vệ cảnh quan Hồ Thang Hen; Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó; Khu Di tích văn hóa lịch sử Lam Sơn; Khu Di tích văn hóa lịch sử Núi Lãng Đôn; Khu Di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo và Khu bảo vệ cảnh quan Thác Bản Giốc.

b) Xác lập cảnh quan sinh thái quan trọng tại Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng; Khu vực đa dạng sinh học cao Nguyên Bình (Cao Bằng) - Ba Bể (Thái Nguyên). Bảo tồn và phục hồi các loài hoang dã nguy cấp, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư; tăng cường công tác bảo tồn nguồn gen, quản lý tiếp cận nguồn gen, chia sẻ lợi ích và bảo vệ tri thức truyền thống về nguồn gen; đánh giá, phát huy lợi ích của đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững. Kiểm soát tốt các hoạt động gây tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học.

c) Định hướng điều chỉnh ranh giới, diện tích Vườn quốc gia Phia Oắc - Phia Đén trên cơ sở rà soát hiện trạng sử dụng đất và yêu cầu bảo tồn, bảo đảm không làm suy giảm vai trò rừng đặc dụng và phù hợp thực tiễn quản lý của địa phương. Việc xác định cụ thể phạm vi, diện tích điều chỉnh sẽ được thực hiện trong phương án chi tiết do đơn vị chuyên môn lập, trình cấp có thẩm quyền

xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

d) Quản lý, bảo vệ phục hồi hệ sinh thái rừng và phát triển bền vững hệ thống rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng tự nhiên để tăng khả năng chống chịu biến đổi khí hậu. Phục hồi và duy trì cấu trúc rừng tự nhiên, bảo đảm sự phát triển tự nhiên của rừng trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng; khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên. Thực hiện chuyển đổi diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch rừng sản xuất phục vụ phát triển kinh tế theo quy định. Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững gắn với tập trung trồng cây gỗ lớn, gỗ nhỏ, lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu. Từng bước hình thành các vùng nguyên liệu tập trung gắn với các cơ sở công nghiệp chế biến gỗ và các sản phẩm ngoài gỗ phù hợp với quy mô vùng nguyên liệu.

## **2. Xây dựng quyết định của UBND tỉnh về xác định vị trí, ranh giới các vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch**

Trên cơ sở phương án phân vùng bảo vệ môi trường trong Quy hoạch tỉnh, tham mưu ban hành Quyết định của UBND tỉnh về việc xác định cụ thể vị trí, ranh giới các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **3. Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh**

### **3.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

a) Tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn toàn tỉnh (từ khu vực đô thị đến nông thôn) theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020; tiếp tục tổ chức, triển khai có hiệu quả và thực hiện tổng kết, đánh giá công tác thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 25/5/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phân loại, xử lý, tái chế chất thải rắn tập trung và phân tán trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá tiếp tục tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án tiếp tục triển khai thực hiện giai đoạn 2026-2030 phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh và theo đúng quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Đầu tư nâng cấp phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đồng bộ; mở rộng mạng lưới dịch vụ thu gom rác tới các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa để đảm bảo tất cả các hộ dân đều được tiếp cận dịch vụ thu gom rác. Cải thiện hiệu quả hoạt động của các cơ sở xử lý rác thải sinh hoạt hiện có; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý tiên tiến, hiện đại phù hợp điều kiện

thực tế nhằm giảm khối lượng rác phải chôn lấp trực tiếp, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm xung quanh bãi rác. Phân đấu đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định đạt từ 95% trở lên và ở khu vực nông thôn đạt 50%.

### **3.2. Tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại**

a) Tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải rắn xây dựng, phụ phẩm nông nghiệp, các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng quy định về môi trường và yêu cầu, kỹ thuật tái sử dụng làm nguyên, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác, giảm khối lượng chất thải cần phải xử lý.

b) Đẩy mạnh quản lý chất thải nguy hại trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và y tế; kiểm soát, hạn chế phát sinh chất thải nguy hại ra môi trường; ngăn chặn hiệu quả tình trạng đổ chất thải nguy hại trái phép. Phân đấu đến năm 2030, tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 93% và tỷ lệ chất thải y tế được xử lý theo quy định đạt 100%.

c) Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.

d) Tiếp tục triển khai, duy trì thực hiện tốt Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

### **3.3. Giảm thiểu rác thải nhựa và túi ni lông khó phân hủy**

Rà soát xây dựng và triển khai Chương trình hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở dịch vụ và cộng đồng dân cư giảm sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần trong sinh hoạt và kinh doanh; chuyển sang sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường thay thế. Phát động phong trào “Nói không với đồ nhựa một lần” tại công sở, trường học, chợ, siêu thị, khu du lịch...; khuyến khích các sáng kiến thu gom, tái chế rác thải nhựa. Đồng thời, tăng cường kiểm soát việc sản xuất, phân phối các sản phẩm nhựa dùng một lần trên địa bàn; từng bước áp dụng các chế tài hạn chế hoặc cấm sử dụng một số sản phẩm nhựa dùng một lần theo lộ trình của Chính phủ.

### **3.4. Thực thi trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR)**

Triển khai hiệu quả các quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất đối với việc thu hồi, tái chế và xử lý chất thải theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn. Hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng lộ trình thu hồi, tái chế bắt buộc đối với sản phẩm, bao bì thải bỏ; nộp đủ khoản đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ xử lý chất thải theo quy định. Tăng cường giám sát việc tuân thủ trách nhiệm EPR của các doanh nghiệp; công khai danh tính các doanh nghiệp thực hiện tốt và kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm quy định EPR.

### **3.5. Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất các khu vực ô nhiễm**

a) Thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho bảo vệ môi trường làng nghề. Lập và thực hiện phương án, tổ chức tự quản và xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường ở các làng nghề theo quy định hiện hành. Tăng cường kiểm soát hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong các làng nghề. Không hình thành các làng nghề thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sự cố cháy nổ cao, có sử dụng dây chuyền công nghệ, máy móc lạc hậu. Lộ trình đến năm 2030 có 80% làng nghề đảm bảo cơ sở hạ tầng, hệ thống kiểm soát xử lý chất thải, khí thải, tiếng ồn, đảm bảo theo quy chuẩn kỹ thuật.

b) Tổ chức xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường đất ở những khu vực bị ô nhiễm do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; chất thải công nghiệp... gây ra phát sinh trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2026, xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm tại điểm ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Tổ 9, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng; có giải pháp xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm môi trường do nước xả thải của các cơ sở sản xuất miến dong tại xã Nguyễn Huệ

c) Điều tra, đánh giá, phân loại, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường đất; xây dựng và thực hiện kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi các khu vực bị ô nhiễm môi trường đất nghiêm trọng phát sinh theo quy định.

### **3.6. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm, duy trì và cải thiện chất lượng môi trường không khí ở các đô thị**

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021-2025; khẩn trương xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh; thường xuyên cảnh báo, công khai thông tin về chất lượng môi trường không khí tại các khu đô thị, khu kinh tế trọng điểm.

b) Tăng cường xây dựng phát triển, mở rộng diện tích công viên, cây xanh giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, bụi trong các khu vực đô thị, khu dân cư; thúc đẩy sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, thân thiện với môi trường; thực hiện lộ trình chuyển đổi loại bỏ phương tiện giao thông hết niên hạn sử dụng, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; tăng cường sử dụng rộng rãi nhiên liệu sinh học, nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường.

c) Kiểm soát, ngăn chặn ô nhiễm bụi từ các công trình xây dựng đô thị, công trình giao thông; kiểm soát việc đốt rác thải, đốt phụ phẩm nông nghiệp. Tăng cường kiểm soát các cơ sở công nghiệp có nguồn khí thải lớn, khuyến khích áp dụng công nghệ sạch, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên, nhiên liệu và năng lượng.

### **3.7. Tăng cường xử lý nước thải, đẩy mạnh kiểm soát, quản lý, bảo vệ môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh**

a) Xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh. Chú trọng bảo vệ môi trường nguồn nước các lưu vực sông lớn như: Sông Bằng Giang, sông Quây Sơn, sông Gâm..., các hồ chứa cung cấp nước phục vụ cho mục đích sinh hoạt. Thực hiện xác định các sông hồ nội tỉnh và nguồn nước mặt khác trên địa bàn có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường.

b) Từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các đô thị được đầu tư, xây dựng mới; tách riêng hệ thống thu gom nước mưa tại các đô thị loại III trở lên, ưu tiên các khu vực đô thị có lưu lượng nước thải lớn (*Đô thị loại II: Đô thị Cao Bằng (gồm: Phường Thục Phán, phường Nùng Trí Cao, phường Tân Giang và xã Hòa An) và 12 đô thị loại III là trung tâm của các xã: Bảo Lâm, Bảo Lạc, Tĩnh Túc, Nguyên Bình, Thông Nông, Trường Hà, Đông Khê, Phục Hòa, Quảng Uyên, Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Hạ Lang*). Trong giai đoạn 2026-2030, ưu tiên đầu tư xây dựng Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực các phường trung tâm của tỉnh Cao Bằng theo Kế hoạch số 32-KH/TU ngày 28/11/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng thực hiện nội dung đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025-2030.

c) Nước thải công nghiệp từ các khu, cụm công nghiệp, các cơ sở công nghiệp, các cơ sở y tế phải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra hệ thống thoát nước đô thị hoặc nguồn tiếp nhận. Yêu cầu các cơ sở y tế, khu, cụm công nghiệp, các cơ sở công nghiệp xây dựng mới trước khi đi vào hoạt động phải đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn; khuyến khích các cơ sở sản xuất tái sử dụng nước thải sau xử lý.

### **3.8. Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, giảm thiểu chất thải và phát triển các mô hình kinh tế thân thiện với môi trường**

Triển khai các giải pháp nhằm chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững, hài hòa với thiên nhiên. Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, giảm thiểu chất thải phát sinh, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Phát triển công nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường; thúc đẩy xanh hóa các ngành sản xuất công nghiệp, khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi các khu công nghiệp hiện có sang mô hình khu công nghiệp sinh thái. Trong nông nghiệp, đẩy mạnh nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ; tăng cường tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp (phế phẩm trồng trọt, chăn nuôi) làm phân bón hữu cơ, thức ăn chăn nuôi; kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật và kháng sinh trong nông nghiệp. Bên cạnh đó, thực hiện các biện pháp giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế chất thải trong mọi lĩnh vực sản xuất, tiêu dùng; từng bước hình thành lối sống xanh và tiêu dùng bền vững trong cộng đồng.

### **4. Bố trí quỹ đất và đẩy nhanh xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung theo quy hoạch**

Xác định và dành quỹ đất hợp lý tại các khu vực theo quy hoạch tỉnh để xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung cấp tỉnh, khu xử lý chất thải tập trung cụm phường, xã. Tiến hành cắm mốc, bảo vệ chặt chẽ quỹ đất đã quy hoạch và khẩn trương thực hiện kịp thời các thủ tục thu hồi, giao đất hoặc cho thuê đất để triển khai xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo các khu xử lý chất thải được bố trí đáp ứng yêu cầu về khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư, tuân thủ nghiêm ngặt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD) và các quy định hiện hành về cách ly vệ sinh; có quy mô phù hợp nhu cầu xử lý chất thải của địa phương và vùng lân cận, cũng như có khả năng ứng dụng công nghệ xử lý hiện đại, hiệu quả.

### **5. Rà soát các khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn.**

#### **5.1. Xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư cho các khu xử lý chất thải tập trung cấp tỉnh và khu xử lý tập trung cụm phường, xã**

a) Đầu tư duy trì hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh (*bao gồm cả chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế, công nghiệp và xây dựng*). Nâng cấp, mở rộng diện tích, nâng cao năng lực tiếp nhận và thay đổi công nghệ xử lý chất thải tại 17 khu xử lý chất thải rắn hiện có (*gồm: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường*). Trong đó, tập trung ưu tiên xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng Khu xử lý chất thải quy mô

cấp tỉnh tại phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng với diện tích từ 30 - 40 ha để xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại và chất thải rắn thông thường (*trước mắt có thể nghiên cứu mô hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng “Công nghệ nhiệt phân kín xử lý chất thải thu hồi năng lượng tái tạo” với quy mô 1-3ha*). Đầu tư xây dựng mới 03 khu xử lý chất thải trên địa bàn các xã, gồm: Hạ Lang, Yên Thổ và Minh Khai.

b) Bố trí ít nhất 03 khu/xã, phường để xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương (gồm: Phế thải xây dựng; đất đá thải trong quá trình thi công xây dựng, đường giao thông; đất đá thải sự cố, thiên tai do sạt lở đường giao thông...).

c) Các công nghệ ưu tiên áp dụng là tái chế, tái sử dụng chất thải; xử lý chất thải bằng công nghệ tiên tiến hiện đại, thân thiện với môi trường; đốt, chôn lấp chất thải và phù hợp với điều kiện thực tế của Tỉnh, hạn chế khối lượng chất thải phải chôn lấp đến mức thấp nhất. Tiếp tục duy trì, thiết lập mạng lưới thu gom các điểm thu gom, trung chuyển chất thải tạm thời tại các xã để vận chuyển tới khu xử lý rác thải. Thu hút đầu tư tư nhân tham gia hoạt động đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải và hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

## **5.2. Cải tạo, phục hồi môi trường các bãi chôn lấp chất thải không còn khả năng tiếp nhận, xử lý chất thải**

Rà soát, thống kê các bãi chôn lấp rác thải trên địa bàn tỉnh đã ngừng tiếp nhận rác (do đầy tải hoặc theo quy hoạch đóng cửa). Xây dựng và triển khai phương án cải tạo, phục hồi môi trường phù hợp cho từng bãi rác: phủ đất, trồng cây cách ly, lắp đặt hệ thống thu gom và xử lý nước rỉ rác sau đóng cửa đảm bảo ngăn ngừa triệt để nguy cơ phát tán ô nhiễm ra môi trường xung quanh. Từng bước nghiên cứu sử dụng lại quỹ đất các bãi rác sau khi đã cải tạo, phục hồi đạt yêu cầu môi trường (như làm công viên cây xanh, bãi đỗ xe hoặc mục đích công cộng khác phù hợp). Giai đoạn năm 2026-2027, ưu tiên thực hiện đóng cửa, cải tạo phục hồi môi trường Bãi chôn lấp rác thải xã Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

## **6. Rà soát, hoàn thiện mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp tỉnh; triển khai chương trình quan trắc môi trường định kỳ.**

### **6.1. Thiết lập hoàn thiện mạng lưới quan trắc, cảnh báo môi trường và thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

a) Tiếp tục đầu tư, mở rộng mạng lưới quan trắc, cảnh báo môi trường cấp tỉnh, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia. Tiến hành rà soát các điểm quan trắc môi trường hiện có, nâng cấp các trạm quan trắc tự động, liên tục; đồng thời đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc tự động đối với các thành phần môi trường không khí, nước mặt tại những khu vực trọng điểm như: Trung tâm đô thị, khu công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm cao,

khu vực biên giới gần các khu công nghiệp, bãi thải, nhà máy của phía Trung Quốc gần biên giới.

b) Xây dựng các trung tâm theo dõi, giám sát thường xuyên. Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động để kiểm soát các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các cơ sở có lưu lượng phát thải lớn. Xây dựng, hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới quan trắc tự động môi trường nước, chú trọng các trạm tại lưu vực sông Gâm và sông Neo, sông Bằng Giang, sông Quây Sơn và sông Bắc Vọng nhất là đầu nguồn các con sông từ Trung Quốc chảy vào Việt Nam; đầu tư mạng lưới quan trắc môi trường không khí, chú trọng các trạm quan trắc phân bố đều trên địa bàn các xã, phường.

c) Thực hiện quan trắc định kỳ theo Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của UBND tỉnh phê duyệt Mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050. Bảo đảm tuân thủ các quy định, quy chuẩn kỹ thuật về quan trắc môi trường. Định kỳ hàng quý, năm báo cáo kết quả quan trắc, giám sát chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh; kịp thời cảnh báo các nguy cơ ô nhiễm môi trường (nếu có) để có biện pháp xử lý, khắc phục.

d) Tiếp tục triển khai các chương trình quan trắc chất lượng môi trường phục vụ cho công tác quản lý nhà nước; mở rộng phạm vi và xây dựng mới các chương trình quan trắc, điều tra cơ bản về môi trường (ưu tiên đối với môi trường đất) và đa dạng sinh học.

đ) Dữ liệu quan trắc được thu thập, quản lý tập trung và kết nối về Bộ Nông nghiệp và Môi trường, phục vụ hiệu quả công tác kiểm soát ô nhiễm và cảnh báo môi trường.

## **6.2. Duy trì, nâng cấp các trạm quan trắc chất lượng môi trường và xây dựng mới trạm quan trắc môi trường không khí, nước mặt**

Rà soát, thống kê tình hình hoạt động của các hệ thống quan trắc môi trường nước mặt, không khí trên địa bàn toàn tỉnh; cải tạo, nâng cấp thiết bị đảm bảo đồng bộ với chỉ tiêu quan trắc định kỳ đối với các trạm đã được đầu tư xây dựng. Giai đoạn 2026-2030, ưu tiên đầu tư xây dựng mới 02 trạm quan trắc môi trường không khí (*Trạm quan trắc không khí khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, xã Trà Lĩnh và Trạm quan trắc không khí khu vực cửa khẩu Tà Lùng, xã Phục Hòa*) và 02 trạm quan trắc nước mặt (*Trạm quan trắc nước mặt sông Gâm tại xã Cô Ba và Trạm quan trắc nước mặt sông Quây Sơn, xã Đàm Thủy*). Đảm bảo các trạm quan trắc không khí, nước mặt của tỉnh được kết nối vào hệ thống tích hợp dữ liệu quan trắc môi trường quốc gia, phục vụ hiệu quả công tác cảnh báo ô nhiễm không khí, nước mặt và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

## **7. Xây dựng hệ thống thông tin và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh, đảm bảo kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia**

Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường cấp tỉnh trên nền tảng số, bảo đảm tích hợp đầy đủ các thông tin, dữ liệu quan trắc và quản lý môi trường từ các ngành, các địa phương. Thiết lập cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu môi trường của tỉnh với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia, đáp ứng yêu cầu liên thông từ Trung ương đến địa phương. Thường xuyên cập nhật, đồng bộ dữ liệu (*kết quả quan trắc, hồ sơ môi trường của doanh nghiệp, thông tin đa dạng sinh học, nguồn thải...*) vào hệ thống; phân quyền để các sở, ngành, địa phương liên quan khai thác dữ liệu phục vụ công tác. Đồng thời, xây dựng cổng thông tin môi trường của tỉnh để công khai các thông tin môi trường cần thiết cho cộng đồng, đảm bảo minh bạch, nâng cao hiệu quả giám sát của người dân.

## **8. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường**

### **8.1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức về bảo vệ môi trường**

a) Tổ chức tuyên truyền sâu rộng, thường xuyên, liên tục nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội về bảo vệ môi trường. Nội dung tuyên truyền tập trung vào phổ biến các chủ trương, chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường và các nội dung của Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia đến 4 nhóm đối tượng chính: (1) Cơ quan quản lý nhà nước các cấp; (2) Các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư; (3) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; (4) Các cơ sở giáo dục, đào tạo.

b) Kết hợp đa dạng các hình thức tuyên truyền, giáo dục từ hội nghị, hội thảo, tập huấn trực tiếp đến các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, pano áp phích sao cho phù hợp với từng nhóm đối tượng, đảm bảo hiệu quả thiết thực. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm xã hội về bảo vệ môi trường trong cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân.

### **8.2. Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông cộng đồng về bảo vệ môi trường**

Đổi mới nội dung và hình thức truyền thông về bảo vệ môi trường theo hướng phong phú, sinh động, thu hút sự quan tâm của cộng đồng. Tăng thời lượng, tần suất và chất lượng các chuyên mục, chương trình về môi trường trên Báo và Phát thanh truyền hình Cao Bằng; phát huy vai trò của mạng xã hội, các diễn đàn trực tuyến trong việc truyền tải thông điệp bảo vệ môi trường. Phát động mạnh mẽ các phong trào quần chúng như “Ngày thứ Bảy xanh - sạch - đẹp”, “Nói không với rác thải nhựa”, “Trồng cây xanh bảo vệ môi trường”,

"Phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn"... nhằm khuyến khích lối sống xanh, hình thành nếp sống văn minh, thân thiện với môi trường; đồng thời triển khai thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại về bảo vệ môi trường chung khu vực biên giới giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong bảo vệ môi trường để tạo sức lan tỏa trong xã hội.

## **9. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường; tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh**

### **9.1. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường**

Tiến hành rà soát toàn bộ các cơ chế, chính sách hiện hành của tỉnh liên quan đến bảo vệ môi trường; kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định không còn phù hợp. Đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường; thông qua công tác đối ngoại phối hợp với phía Trung Quốc xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin, phối hợp bảo vệ, ứng phó thảm họa môi trường xuyên biên giới theo thẩm quyền. Chú trọng xây dựng, ban hành các quy định quản lý chuyên ngành về môi trường (quản lý chất thải, quản lý khai thác tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ nguồn nước, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học...) theo phân cấp, đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tiễn địa phương.

### **9.2. Tăng cường chế tài và biện pháp thực thi pháp luật môi trường**

a) Tăng cường thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm cao trên địa bàn tỉnh. Áp dụng linh hoạt cơ chế thanh tra đột xuất không báo trước khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật về môi trường hoặc khi xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng. Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý môi trường trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường. Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm, công khai trên phương tiện thông tin đại chúng đối với các trường hợp vi phạm lớn để răn đe, phòng ngừa chung.

b) Công khai, minh bạch thông tin về môi trường; thực hiện nghiêm quy định về cung cấp, công khai thông tin trong quản lý môi trường cho cộng đồng dân cư. Xây dựng cơ chế tiếp nhận và phản hồi ý kiến người dân về các vấn đề môi trường; định kỳ công bố công khai các thông tin dữ liệu về môi trường trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các phương tiện truyền thông đại chúng. Đồng thời, nâng cao trách nhiệm giải trình của cán bộ quản lý môi trường các cấp đối

với các vấn đề ô nhiễm môi trường xảy ra trên địa bàn mình phụ trách, đảm bảo các phản ánh về vấn đề môi trường của người dân đều được phản hồi, giải quyết thỏa đáng.

c) Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng, tạo điều kiện để cộng đồng dân cư, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức đoàn thể, cơ quan truyền thông và từng cá nhân tham gia giám sát hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng mạng lưới cộng tác viên, tuyên truyền viên môi trường ở cơ sở; tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của người dân về các nguồn ô nhiễm, sự cố môi trường thông qua đường dây nóng, mạng xã hội và các kênh thông tin khác.

d) Nghiên cứu rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo hướng tăng mức phạt đối với hành vi gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường. Ban hành các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho bảo vệ môi trường (như ưu đãi về đất đai, thuế cho dự án xử lý chất thải, dự án năng lượng tái tạo...), huy động sự tham gia của cộng đồng trong giám sát việc thực thi pháp luật về môi trường.

### **10. Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý môi trường và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường**

a) Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về môi trường. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Rà soát, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường giữa các cơ quan, đơn vị để tránh chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ. Bố trí đủ biên chế có trình độ chuyên môn về môi trường tại các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

b) Tăng cường năng lực cho chính quyền địa phương thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân cấp về bảo vệ môi trường. Tổ chức tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý môi trường cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường phối hợp giữa các địa phương trong công tác bảo vệ môi trường.

c) Thúc đẩy phương thức quản lý theo hướng giảm “tiền kiểm”, tăng “hậu kiểm”, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp.

d) Cải cách thủ tục hành chính trong bảo vệ môi trường, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường (đánh giá tác động môi trường, cấp phép môi trường...). Tăng cường triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần đối với các thủ tục liên quan đến môi

trường; thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa liên thông trong thẩm định hồ sơ môi trường cho các dự án đầu tư. Công khai, minh bạch quy trình, thủ tục, thời hạn giải quyết và các khoản phí, lệ phí (nếu có) đối với từng thủ tục để doanh nghiệp và người dân thuận tiện thực hiện và giám sát.

## **11. Triển khai các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác theo chỉ đạo của Trung ương**

### **11.1. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh**

a) Thực hiện phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh, gồm: Vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét tại các khu vực đồi núi cao, sườn dốc, bờ sông, suối tại các xã, phường; vùng có nguy cơ sạt lở đất tại các khu vực đồi núi cao, sườn dốc, bờ sông, suối tại các xã, phường và các tuyến đường giao thông trên địa bàn toàn tỉnh; vùng bị ảnh hưởng do lũ, ngập lụt tại các lưu vực sông, suối, hồ đập, các khu vực trũng (gồm: *phường Thục Phán, xã Bảo Lạc, xã Bảo Lâm và khu vực có địa hình thung lũng lòng chảo khép kín nằm giữa các dãy núi cao*) và khu vực trên các dòng chính sông Gâm, sông Bằng.

b) Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu, lập bản đồ rủi ro thiên tai; biên soạn tài liệu, tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực công tác phòng, chống thiên tai cho cán bộ, công chức cấp cơ sở, cộng đồng dân cư; Nghiên cứu ứng dụng AI, IoT, Big Data trong quản trị, giám sát, cảnh báo đa thiên tai trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

c) Củng cố, tu sửa, tu bổ và xây dựng các công trình phòng, chống thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu. Tăng cường phòng ngừa kết hợp với phương châm “4 tại chỗ”. Sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có sức chống chịu cao với thời tiết khắc nghiệt, dịch bệnh. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến để hướng tới nền nông nghiệp hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Rà soát, cập nhật và xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tiếp tục triển khai các nội dung, nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu được tích hợp trong các chương trình, dự án kế hoạch của tỉnh.

### **11.2. Quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên**

Triển khai thực hiện nhiệm vụ về công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường theo Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cao Bằng lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025-2030. Tập trung đẩy mạnh công tác quản lý bảo vệ các diện tích rừng hiện có và làm giàu các loại rừng theo hướng hiệu quả, bền vững,

nâng cao giá trị hệ sinh thái rừng, đồng thời phát triển du lịch sinh thái rừng, nâng cao đời sống của người dân sử dụng rừng; nâng cao chất lượng rừng, đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng đến hết năm 2030 đạt 56,15%<sup>1</sup>. Tăng cường bảo vệ tài nguyên nước: Giám sát chặt chẽ việc khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất; bảo vệ các nguồn sinh thủy tại vùng đầu nguồn, đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên các hệ thống sông, suối; phòng ngừa, xử lý nghiêm các hành vi xả nước thải gây ô nhiễm nguồn nước. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài nguyên khoáng sản: thực hiện khoanh định khu vực cấm, khu vực hạn chế khai thác khoáng sản để bảo vệ cảnh quan, môi trường; đóng cửa mỏ đối với các mỏ đã khai thác xong trữ lượng; phục hồi môi trường sau khai thác. Đối với tài nguyên đất đai, bảo đảm việc phân bổ, sử dụng đất đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhưng không làm suy thoái chất lượng đất; có giải pháp cải tạo, phục hồi những diện tích đất đã bị thoái hóa, ô nhiễm do hoạt động sản xuất trước đây; hoàn thành đo đạc bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn tỉnh.

## **12. Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào quá trình lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030 của tỉnh**

### **12.1. Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch**

Tổ chức rà soát, kiểm tra các quy hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội đang triển khai trên địa bàn tỉnh (*quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, dự án đầu tư lớn...*) để đối chiếu với các định hướng của Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia. Trường hợp phát hiện nội dung chưa phù hợp, mâu thuẫn (như dự án phát triển có nguy cơ tác động xấu đến vùng bảo vệ nghiêm ngặt về môi trường, dự án có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt...), kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch hoặc điều chỉnh dự án cho phù hợp, bảo đảm tuân thủ nghiêm các yêu cầu về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

### **12.2. Lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường vào việc lập quy hoạch mới**

Trong quá trình lập mới hoặc điều chỉnh các quy hoạch thời kỳ 2021-2030 của tỉnh (*quy hoạch tỉnh sau sáp nhập, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch ngành...*), phải tích hợp đầy đủ nội dung về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và ứng phó biến đổi khí hậu; trong công tác quản lý kiến trúc, yêu cầu lồng ghép các tiêu chí về kiến trúc xanh, công trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả vào quá trình lập, thẩm định Quy chế

<sup>1</sup> Chương trình số 03-CTr/TU ngày 28/11/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng bảo vệ và khai thác hiệu quả kinh tế rừng giai đoạn 2050-2030.

quản lý kiến trúc các đô thị trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo các quy hoạch được lập tuân thủ nghiêm túc các quan điểm, nguyên tắc đề ra trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia (*không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; kinh tế - xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên; lấy bảo vệ môi trường là một tiêu chí đánh giá quan trọng đối với các dự án...*). Các chương trình, dự án phát triển mới trên địa bàn tỉnh phải được đánh giá kỹ lưỡng tác động môi trường và có giải pháp giảm thiểu, xử lý ô nhiễm ngay từ khâu lập dự án, bảo đảm không gây ảnh hưởng xấu đến mục tiêu bảo vệ môi trường của tỉnh.

### **13. Tăng cường nguồn lực tài chính trong việc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thực hiện kế hoạch**

Nghiên cứu, tham mưu đưa các mục tiêu, nhiệm vụ bố trí nguồn ngân sách nhà nước (*nguồn sự nghiệp môi trường, đầu tư công, ngân sách Trung ương hỗ trợ, vốn chương trình mục tiêu, vốn ODA...*) vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Kế hoạch, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách. Huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế tập thể và tư nhân, vốn doanh nghiệp và các nguồn xã hội hóa, thu hút đầu tư theo hình thức PPP để bổ sung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường của tỉnh.

## **III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

Các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ trọng tâm (*Chi tiết nêu tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch*).

### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ cụ thể quy định trong Kế hoạch này có trách nhiệm lập dự toán, kinh phí đảm bảo việc triển khai thực hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của pháp luật.

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổ chức tham mưu thực hiện, chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả thực hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ

2021-2030, tầm nhìn 2050 trên địa bàn tỉnh theo quy định.

**2.** Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chủ động tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo phân công tại Kế hoạch này. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30/11 hàng năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

**3.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương xây dựng, nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường hiệu quả; duy trì các phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường. Tăng cường vai trò phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh của Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định.

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện./

***Nơi nhận:***

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Cao Bằng;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị (đăng tải);
- Lưu: VT, CN<sub>(TH)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Thạch**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2030**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
<b>I</b>	<b>Xây dựng phương án phân vùng môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh</b>			
1	Xây dựng phương án phân vùng môi trường	Quý IV năm 2027	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
2	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
<b>II</b>	<b>Xây dựng quyết định của UBND tỉnh về xác định vị trí, ranh giới các vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch</b>			
2.1	Quyết định của UBND tỉnh về xác định vị trí, ranh giới các vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch	Quý IV năm 2027	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
<b>III</b>	<b>Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các dự án, nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh</b>			
1	Tăng cường công tác tuyên truyền; nâng cao năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Thường xuyên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã; Ủy ban MTTQ tỉnh, Đoàn thể tỉnh

<b>STT</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>
2	Tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
3	Xây dựng Chương trình hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
4	Thực thi trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR)	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương, Sở Xây dựng và UBND cấp xã
5	Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
6	Xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm tại điểm ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Tổ 9, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng	Quý IV năm 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
7	Kiểm soát ô nhiễm, duy trì và cải thiện chất lượng môi trường không khí ở các đô thị	Thường xuyên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
8	Xây dựng Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại khu vực các phường trung tâm của tỉnh Cao Bằng	Năm 2026 - 2030	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
9	Hoàn thiện hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị trên địa bàn tỉnh	Năm 2026 - 2030	UBND cấp xã	Các Sở, ban, ngành

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
10	Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, giảm thiểu chất thải và phát triển các mô hình kinh tế thân thiện với môi trường	Năm 2026 - 2030	Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
11	Hướng dẫn lập, tổ chức đánh giá, trình phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng đạt yêu cầu theo quy định	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
12	Hỗ trợ thu hút đầu tư cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh.	Năm 2026 - 2030	Sở Công thương	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
<b>IV</b>	<b>Bố trí quỹ đất và đẩy nhanh xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung theo quy hoạch</b>			
1	Tiến hành cắm mốc, bảo vệ chặt chẽ quỹ đất đã quy hoạch và khẩn trương thực hiện kịp thời các thủ tục thu hồi, giao đất hoặc cho thuê đất để triển khai xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn tỉnh	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
<b>V</b>	<b>Nhiệm vụ rà soát, xây dựng, cải tạo nâng cấp các khu xử lý chất thải tập trung trên địa bàn; công tác quản lý chất thải</b>			
1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Khu xử lý chất thải quy mô cấp tỉnh tại phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng	Năm 2026 - 2030	UBND phường Tân Giang	Các Sở, ban, ngành
2	Nâng cấp, mở rộng diện tích, nâng cao năng lực tiếp nhận và thay đổi công nghệ xử lý chất thải tại 10 khu xử	Năm 2026 - 2030	UBND cấp xã	Các Sở, ban, ngành

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	lý chất thải rắn (gồm các xã: Khánh Xuân, Trường Hà, Tổng Cọt, Thông Nông, Hòa An, Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Độc Lập, Phục Hòa, Lý Quốc, Thạch An)			
3	Đầu tư xây dựng mới 03 khu xử lý chất thải rắn (gồm các xã: Hạ Lang, Minh Khai và Yên Thổ)	Năm 2026 - 2030	UBND xã Hạ Lang, Minh Khai và Yên Thổ	Các Sở, ban, ngành
4	Bố trí ít nhất 03 khu xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương	Năm 2026 - 2030	UBND cấp xã	Các Sở, ban, ngành
5	Xây dựng 02 điểm thu gom, khu xử lý chất thải nguy hại tại vùng phía Đông (dự kiến tại xã Quảng Uyên và xã lân cận có vị trí phù hợp) và phía Tây (dự kiến tại xã Bảo Lạc và xã lân cận có vị trí phù hợp)	Năm 2026 - 2030	UBND xã Quảng Uyên và xã Bảo Lạc	Các Sở, ban, ngành
6	Cải tạo, phục hồi môi trường Bãi chôn lấp rác thải xã Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	Quý IV năm 2027	UBND xã Hạ Lang	Các Sở, ban, ngành
7	Xây dựng mạng lưới thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn đồng bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
8	Tham mưu triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tái chế, tái sử dụng chất thải; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, hiện đại, thân thiện	Năm 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	với môi trường phù hợp với điều kiện của địa phương			
9	Ban hành định giá tối đa và định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh	Quý IV năm 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
10	Xây dựng Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026-2030	Quý III năm 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
<b>VI</b>	<b>Rà soát, hoàn thiện mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp tỉnh; triển khai chương trình quan trắc môi trường định kỳ; hệ thống thông tin, dữ liệu môi trường</b>			
1	Duy trì, nâng cấp các trạm quan trắc chất lượng môi trường và xây dựng mới trạm quan trắc môi trường không khí, nước mặt	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
<b>VII</b>	<b>Phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên</b>			
1	Xây dựng phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	Quý IV năm 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
2	Ban hành Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quý II năm 2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
3	Quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên	Thường xuyên	Sở Nông nghiệp	Các Sở, ban, ngành,

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
			và Môi trường	UBND cấp xã
<b>VIII</b>	<b>Các nội dung, nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác</b>			
1	Xây dựng hệ thống thông tin và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh, đảm bảo kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
2	Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	Thường xuyên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Các Sở, ban, ngành, Báo, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh; UBND cấp xã
3	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường; tăng cường hiệu lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
4	Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý môi trường và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường	Năm 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
5	Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; lồng ghép nội dung	Năm 2026 - 2030	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã

STT	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	bảo vệ môi trường vào quá trình lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030 của tỉnh			
6	Tham mưu công tác đối ngoại trong bảo vệ môi trường theo các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận song phương có liên quan đến công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên	Sở Ngoại vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã
7	Tăng cường nguồn lực tài chính trong việc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thực hiện kế hoạch	Năm 2026 - 2030	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã